

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH
Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 03/2026

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức 693/NSMO-PT ngày 26/02/2026 của Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia về việc Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng 3/2026.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 03/2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 02/2026

Trong tháng 02/2026, PCAG đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn tỉnh An Giang và đảm bảo cấp điện cho Tết Nguyên đán Bính Ngọ.

Sản lượng điện nhận tháng 02/2026 đạt 499 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), thấp hơn 8,85% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bình quân ngày là 17,8 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 19,3 triệu kWh (ngày 23/02/2026) và công suất ngày cao nhất là 924,5MW (ngày 22/2/2026).

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 2		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	499.095.349	547.541.037	(8,85)
		A ngày tb (kWh)	17.824.834	19.555.037	(8,85)
		A ngày max (kWh)	19.334.655	21.383.940	(9,58)
		A ngày min (kWh)	15.852.441	15.749.066	0,66
2	Công suất	P max (MW)	924,5	930,7	(0,67)
		P min (MW)	316	304	3,86

1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành

1.1. Tình hình mất điện

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

1.2. Tình hình vận hành hệ thống điện

- Về đường dây 110kV

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: không có.

- Về trạm 110kV

+ Các MBA đầy tải ngắn hạn >80%: không có.

+ MBA T1 Tri Tôn, T1 Hà Tiên, T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)

- Tháng 02/2026: SAIDI là 12,3 phút; MAIFI là 0,03 lần; SAIFI là 0,17 lần.

- Lũy kế 02 tháng: SAIDI là 22,8 phút; MAIFI là 0,09 lần; SAIFI là 0,27 lần.

1.4. Về sự cố lưới điện

1.4.1. Sự cố lưới 22kV:

- Tháng 2/2026 xảy ra 07 vụ sự cố, giảm 09 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 05 vụ, giảm 11 vụ; sự cố TQ là 02 vụ, tăng 02 vụ so với cùng kỳ; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

- Lũy kế 02 tháng: xảy ra 16 vụ, giảm 18 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 13 vụ, giảm 18 vụ; sự cố TQ là 03 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

1.4.2. Sự cố lưới 110kV:

- Tháng 02/2026: không xảy ra sự cố.

- Lũy kế 02 tháng: không xảy ra sự cố, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 471 Phú Quốc, 474 Phú Quốc, 475 Phú Quốc và 477 Phú Quốc.

3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

- Ngày 01/2/2026 từ 09:00 - 14:30: huy động 162,38MW/395MW
- Ngày 02/2/2026 - 06/2/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 197,9MW/395MW
- Ngày 07/2/2026 từ 10:00 - 13:00: huy động 149,98MW/395MW
- Ngày 08/2/2026 từ 10:00 - 13:00: huy động 176,31MW/395MW
- Ngày 09/2/2026 - 13/2/2026 từ 11:00 - 13:00: huy động 164,87MW/395MW
- Ngày 14/2/2026 từ 09:30 - 14:30: huy động 134,3MW/395MW
- Ngày 15/2/2026 từ 08:00 - 15:30: huy động 104,62MW/395MW

- Ngày 16/2/2026 từ 08:30 - 15:30: huy động 139,04MW/395MW
- Ngày 17/2/2026 từ 02:00 - 14:00: huy động 72,87MW/395MW
- Ngày 18/2/2026 từ 0:00 - 15:00: huy động 78,39MW/395MW
- Ngày 19/2/2026 từ 07:30 - 16:00: huy động 106,40MW/395MW
- Ngày 20/2/2026 từ 08:00 - 16:00: huy động 124,93MW/395MW
- Ngày 21/2/2026 từ 09:00 - 15:00: huy động 143,77MW/395MW
- Ngày 22/2/2026 từ 09:30 - 14:30: huy động 178,68MW/395MW
- Ngày 23/2/2026 - 27/2/2026 từ 10:00 - 14:00: huy động 204,41MW/395MW
- Ngày 28/2/2026 từ 10:00 - 14:00: huy động 199,38MW/395MW

II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 03/2026

1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 669 triệu kWh, tăng 34% so với tháng 2/2026 và tăng 3% so với tháng cùng kỳ năm 2025.
- Công suất lớn nhất trong tháng: Pmax ~ 1063 MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: Pmin ~ 490 MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 3		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	669.052.849	649.565.872	3,00
		A ngày tb (kWh)	21.582.350	20.953.738	3,00
		A ngày max (kWh)	23.974.449	23.276.164	3,00
		A ngày min (kWh)	21.225.288	20.225.287	4,94
2	Công suất	P max (MW)	1.063	1.012	5,07
		P min (MW)	490	488	0,45

2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bố trên trang web: www.thitruongdien.evn.vn của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.
- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo văn bản công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Minh Phong	MC 412	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
15.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện 110kV tháng 03/2026:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
- Trạm Châu Đốc: MC 132, MBA T2, MC 112, MC 131, MC 431, MC 432, MBA T1, TC C12, TC C41, TC C42 - Cô lập đường dây 110kV 174 Châu Đốc 2 - 132 An Phú	01/03/2026 06:00	01/03/2026 16:00	Kiểm tra không điện đường dây 110kV Châu Đốc 2 – An Phú; Xử lý rịn dầu trung tính 22kV MBA T1-40MVA, thay đồng hồ multimeter ngăn 473 trạm 110kV An Phú
- Trạm Rạch Giá: MBA T1, MC 131, MC 171, TC C11, MC 431, C41, MC 421 - Cô lập đường dây 110kV 171 Rạch Giá - 172 Vĩnh Quang	03/03/2026 06:00	03/03/2026 17:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026
- Trạm Rạch Giá: MBA T2, MC 112, MC 132, MC 172, MC 432, TC C42 - Cô lập đường dây 172 Rạch Giá 2 - 172 Rạch Giá	04/03/2026 06:00	04/03/2026 17:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
- Cô lập đường dây 110kV 171 Châu Đốc 2 - 173 Cái Dầu	05/03/2026 06:00	30/03/2026 16:00	- Thi công công trình Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Châu Đốc – Cái Dầu.
- Cô lập Đường dây 110kV 171 Phú Châu - 172 Hồng Ngự	07/03/2026 06:00	08/03/2026 16:00	- Thay sứ cách điện đường dây 110kV Phú Châu - Hồng Ngự
- Cô lập đường dây 110kV 173 Hà Tiên - 172 Phú Quốc	10/03/2026 06:00	10/03/2026 21:00	Dựng trụ tạm tại giữa khoảng trụ 9 - 10 đường dây 173 Hà Tiên - 172 Phú Quốc. Sang chuyển dây dẫn qua vị trí trụ tạm, chuyển đảo dây lèo tại các vị trí trụ 2, 5, 28, 29. Gia cố lại các trụ tạm từ T0 đến T4 đường dây 173 Hà Tiên - 172 Phú Quốc vừa mới khắc phục xử lý sự cố để đảm bảo cấp điện cho mùa khô.
- Trạm Kiên Lương 2: MBA T1, MC 112, MC 131, MC 171, MC 431, TC C41 - Cô lập đường dây 175 Kiên Bình – 171 Kiên Lương 2	12/03/2026 06:00	12/03/2026 17:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026; bảo trì ngăn 175 trạm 220 kV Kiên Bình.
- Trạm Kiên Lương 2: MBA T2, MC 112, MC 132, MC 172, MC 432, TC C42 - Cô lập đường dây 172 Kiên Lương 2 - 172-7 Kiên Lương	13/03/2026 06:00	13/03/2026 17:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026.
- Cô lập Đường dây 110kV 171 Hội An - 171 Chợ Mới	16/03/2026 06:00	16/03/2026 16:00	- Thay sứ cách điện đường dây
- Trạm Nam Phú Quốc: TC C42 - Cô lập đường dây 178 Kiên Bình - 172 Nam Phú Quốc	27/03/2026 06:00	27/03/2026 17:00	TNĐK, bảo dưỡng thiết bị: DCL 178-7, DCL 178-1, DCL 178-2; Kiểm định đo lường TU178, TI178; Thí nghiệm bảo dưỡng CBM thiết bị: MC 172, 131, 132, 431, 432, MBA T1, T2 TNĐMN: Lắp đặt, thí nghiệm, cài đặt rơ le 87B và đưa vào vận hành; Bảo trì đường dây
- Cô lập Đường dây 110kV 176 Kiên Bình – 172 Holcim	29/03/2026 07:00	29/03/2026 17:00	- Thay sứ cách điện đường dây

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 03/2026: Kiểm tra bảo dưỡng lưới điện, thí nghiệm CBM.

6. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV

Vận hành theo kết dây cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn.

Đảm bảo cấp điện trước, trong thời gian diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (ngày 14, 15/3/2026).

Dự báo phụ tải gia tăng trong tháng 03/2026 do bước vào đợt nắng nóng, kết hợp với các nhà máy xay xát vào đợt cao điểm hoạt động, các Đơn vị tăng cường công tác quản lý vận hành, theo dõi tải đối với các đường dây cấp điện cho các phụ tải công/nông nghiệp, phụ tải xay xát tập trung để có phương án điều hòa chuyển tải lưới điện để tránh đầy/quá tải dây dẫn và MBA tại các trạm 110kV.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLDCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2026, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của SSO. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng đầu năm 2026./.

Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sư	471-473CS/90	LBS

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Su	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Su	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/270	LBS
36.	471 Chung Su	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Su	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Su	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Su	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Su	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U Minh Thượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS
57.	477 Hà Tiên	471 Hà Tiên	473HT/61/31	LBS